

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)

SwabCollect™ Alkaline Saline Peptone Water, 4mL

4108022

1. NHẬN DIỆN CHẤT VÀ THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP

1.1 THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: SwabCollect™ Alkaline Saline Peptone Water, 4mL
Mã sản phẩm: 4108022
Điều kiện lưu trữ: 4 - 25°C
Điều kiện vận chuyển: Nhiệt độ môi trường

1.2 MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

SwabCollect™ Alkaline Saline Peptone Water, 4mL được thiết kế để lấy mẫu vi sinh vật từ các bề mặt trong môi trường chế biến thực phẩm, y tế và dược phẩm. Sản phẩm hỗ trợ thu thập mẫu vi sinh vật từ các vị trí hẹp hoặc khu vực khó tiếp cận, đảm bảo vi sinh vật được bảo vệ trong suốt quá trình vận chuyển và phân tích. Môi trường **Alkaline Saline Peptone Water** (ASPW) được sử dụng như một môi trường tăng sinh sơ cấp, hỗ trợ phục hồi các loài *Vibrio* trong mẫu và bảo vệ chúng khỏi tác động của các chất khử trùng còn sót lại trên bề mặt.

1.3 THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP

Nhà cung cấp: Công ty thiết bị khoa học LABone
Địa chỉ tại Việt Nam: 228/13/3 Nguyễn Thị Lăng, Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hotline: 0978 782 147 **Email:** info@labone.vn
Địa chỉ tại Hoa Kỳ: 82 Wendell Ave, Pittsfield, MA 01201, United states
Hotline: +1339 208 0611 **Email:** usa@labone.vn
Website: www.labone.com.vn

2. NHẬN DIỆN MỖI NGUY HIỂM

2.1 PHÂN LOẠI CHẤT HOẶC HỖN HỢP THEO QUY ĐỊNH CLP SỐ 1272/2008

Chất này không được phân loại là nguy hiểm.

2.2 CÁC YẾU TỐ GHI NHÃN

Chất này không được phân loại là nguy hiểm.

2.3 CÁC MỖI NGUY HẠI KHÁC

Không có thông tin.

2.4 PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Không có thông tin.

3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

3.1 CHẤT

Không áp dụng (N/A)

3.2 HỖN HỢP

Không áp dụng (N/A)

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

4.1 CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Hít phải:

Đưa người bị ảnh hưởng ra nơi có không khí trong lành, giữ ấm và để nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái để dễ thở.

Tiếp xúc với da:

Rửa da bằng nhiều nước và xà phòng. Nếu kích ứng kéo dài, hãy đi khám bác sĩ.

Tiếp xúc với mắt:

Tháo kính áp tròng. Rửa mắt bằng nhiều nước trong vài phút. Đảm bảo rửa cả dưới mí mắt trên và dưới. Nếu kích ứng tiếp tục, liên hệ bác sĩ.

Nuốt phải:

Súc miệng bằng nước uống và uống nhiều nước. KHÔNG gây nôn, không áp dụng (N/A)

4.2 CÁC TRIỆU CHỨNG VÀ ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG NHẤT, CẢ CẤP TÍNH VÀ CHẬM

Không có thông tin.

4.2 CHỈ ĐỊNH CẦN CHĂM SÓC Y TẾ NGAY LẬP TỨC VÀ ĐIỀU TRỊ ĐẶC BIỆT

Không có thông tin.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

5.1 PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY

Phù hợp: Phun nước, khí CO₂, bột chữa cháy, bột chống cùn.

Không phù hợp: Không có thông tin.

5.2 NGUY HIỂM ĐẶC BIỆT PHÁT SINH TỪ CHẤT HOẶC HỖN HỢP

Hỗn hợp có chứa thành phần dễ cháy. Khi xảy ra cháy, có thể phát sinh khí hoặc hơi độc hại.

5.3 KHUYẾN NGHỊ CHO LÍNH CỨU HỎA

Trang bị bảo hộ chuyên dụng cho lính cứu hỏa. Trong trường hợp cháy, không phụ thuộc vào không khí xung quanh.

6. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI SỰ CỐ RÒ RỈ

6.1 BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA CÁ NHÂN, TRANG BỊ BẢO HỘ VÀ QUY TRÌNH KHẨN CẤP

Sử dụng thiết bị bảo hộ được khuyến nghị tại Mục 8. Cô lập khu vực nguy hiểm. Đảm bảo thông gió đầy đủ.

6.2 BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Không để hỗn hợp xâm nhập vào hệ thống thoát nước hoặc nguồn nước. Nếu xảy ra, thông báo ngay cho cơ quan quản lý môi trường/nước.

6.3 PHƯƠNG PHÁP VÀ VẬT LIỆU ĐỂ NGĂN CHẶN VÀ LÀM SẠCH

Thu gom bằng thiết bị phù hợp. Xử lý theo quy định tại Mục 13. Làm sạch khu vực.

6.4 THAM CHIẾU ĐẾN CÁC MỤC KHÁC

Xem Mục 8 để biết thông tin về thiết bị bảo hộ cá nhân.
Xem Mục 13 để biết thông tin về xử lý chất thải.

7. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

7.1 BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA ĐỂ XỬ LÝ AN TOÀN

Xem Mục 8 về bảo hộ cá nhân.
Tránh xa các nguồn gây cháy/không hút thuốc.
Luôn tuân thủ các thực hành vệ sinh công nghiệp tốt khi làm việc với hóa chất.

7.2 ĐIỀU KIỆN LƯU TRỮ AN TOÀN, BAO GỒM CÁC YẾU TỐ KHÔNG TƯƠNG THÍCH

Xem nhãn để biết nhiệt độ bảo quản khuyến nghị.

7.2 NGƯỜI SỬ DỤNG CỤ THỂ

Các mục đích sử dụng đã được xác định cho sản phẩm này được nêu tại Mục 1.2.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/BẢO HỘ CÁ NHÂN

8.1 THÔNG SỐ KIỂM SOÁT – GIỚI HẠN PHƠI NHIỄM NGHỀ NGHIỆP EH40

Không chứa chất nào có giới hạn phơi nhiễm tại nơi làm việc.

8.1 KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM

Biện pháp kỹ thuật phù hợp:

Không áp dụng (N/A)

Thông tin chung:

Không được hút thuốc, ăn uống hoặc bảo quản thực phẩm, đồ uống tại nơi làm việc. Các phần cơ thể tiếp xúc phải được rửa sạch sau mỗi lần nghỉ làm việc và khi kết thúc công việc.

Trang bị bảo hộ cá nhân:

- **Bảo vệ hô hấp:**
Không yêu cầu, trừ khi có sự hình thành khí dung (aerosol).
- **Bảo vệ da:**
Đeo găng tay (EN 374)
Chất liệu găng: Cao su nitril
Độ dày găng: 0,11 mm
Thời gian thấm qua của găng: > 480 phút
- **Bảo vệ mắt:**
Đeo kính bảo hộ kín (EN 166)
- **Bảo vệ cơ thể:**
Mặc trang phục bảo hộ phù hợp

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường:

Không yêu cầu biện pháp đặc biệt.

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

9.1 THÔNG TIN VỀ CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC CƠ BẢN

Không chứa chất nào có giới hạn phơi nhiễm tại nơi làm việc.

Thông số	Giá trị
Trạng thái vật lý	Dung dịch đồng nhất, không phân lớp
Màu sắc	không màu, trong suốt
Mùi	Đặc trưng
Điểm nóng chảy/điểm đông	Không liên quan/không có dữ liệu
Điểm sôi	Không liên quan/không có dữ liệu
Tính dễ cháy	Không liên quan/không có dữ liệu
Giới hạn nổ trên và dưới	Không liên quan/không có dữ liệu
Điểm chớp cháy	Không liên quan/không có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không liên quan/không có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	Không liên quan/không có dữ liệu
pH	4,5 – 7,0
Độ nhớt động học	Không liên quan/không có dữ liệu
Độ tan	Không liên quan/không có dữ liệu

Hệ số phân bố n-octanol/nước	Không liên quan/không có dữ liệu
Áp suất hơi	Không liên quan/không có dữ liệu
Tỷ trọng	Không liên quan/không có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	Không liên quan/không có dữ liệu
Đặc tính hạt	Không liên quan/không có dữ liệu

9.2 THÔNG TIN KHÁC

Không có thông tin.

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Mục	Nội dung
Tính phản ứng	Không có phản ứng nguy hiểm nào được biết trong điều kiện sử dụng và bảo quản thông thường
Độ ổn định hóa học	Ổn định trong điều kiện bình thường (nhiệt độ phòng)
Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm	Không dự kiến có phản ứng nguy hiểm khi sử dụng đúng mục đích
Điều kiện cần tránh	Không có thông tin
Vật liệu không tương thích	Không có thông tin
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	Không có thông tin

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

11.1 THÔNG TIN VỀ CÁC NHÓM NGUY HẠI THEO QUY ĐỊNH (EC) SỐ 1272/2008

Chỉ tiêu	Phân loại
Độc tính cấp tính	Không phân loại
Ăn mòn/kích ứng da	Không phân loại
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	Không phân loại
Mẫn cảm hô hấp hoặc da	Không phân loại
Đột biến tế bào mầm	Không phân loại
Khả năng gây ung thư	Không phân loại
Độc tính sinh sản	Không phân loại
Độc tính cơ quan đích cụ thể – phơi nhiễm đơn	Không phân loại
Độc tính cơ quan đích cụ thể – phơi nhiễm lặp lại	Không phân loại
Nguy cơ hít phải	Không phân loại

11.2 THÔNG TIN VỀ CÁC MÔI NGUY KHÁC

Không có thông tin.

12. THÔNG TIN SINH THÁI

Mục	Nội dung
12.1. Độc tính	Không được phân loại là nguy hại cho môi trường
12.2. Tính bền vững và khả năng phân hủy	Không có thông tin
12.3. Khả năng tích lũy sinh học	Không có thông tin
12.4. Khả năng di chuyển trong đất	Không có thông tin
12.5. Kết quả đánh giá PBT và vPvB	Không có thông tin
12.6. Các tác động bất lợi khác	Không có thông tin

13. CÁC XEM XÉT VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

13.1 PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Tránh thải ra môi trường.
- Xử lý theo cách an toàn, tuân thủ các quy định địa phương/quốc gia.
- Việc phân loại mã chất thải phụ thuộc vào cách sử dụng sản phẩm của người dùng cuối.
- Mã EWC: Không áp dụng (N/A)
- Bao bì bị nhiễm bẩn: Không áp dụng (N/A)

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Mục	Nội dung
14.1. Số UN	Không áp dụng
14.2. Tên vận chuyển chính thức của Liên Hợp Quốc	Không áp dụng
14.3. Nhóm nguy hiểm vận chuyển	Không áp dụng
14.4. Nhóm đóng gói	Không áp dụng
14.5. Nguy hại môi trường	Không
14.6. Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng	Không có yêu cầu đặc biệt
14.7. Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL và Bộ luật IBC	Không áp dụng

15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

15.1 QUY ĐỊNH/PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ MÔI TRƯỜNG ÁP DỤNG RIÊNG CHO CHẤT HOẠC HỖN HỢP

Không yêu cầu đánh giá an toàn hóa chất đối với chất này.

- Quy định quốc gia: Không.
- Phân loại nguy hại đối với nước: Không.
- Quy định về dung môi: Không.
- Quy định về sự cố: Không.
- Hướng dẫn kỹ thuật về không khí: Không.
- Phân loại lưu trữ: 10 – 13

15.2 ĐÁNH GIÁ AN TOÀN HÓA CHẤT

Không cần thiết.

16. THÔNG TIN KHÁC

Viết tắt	Diễn giải
AND	Hiệp định châu Âu về vận chuyển quốc tế hàng nguy hiểm bằng đường thủy nội địa
ADR	Hiệp định châu Âu về vận chuyển quốc tế hàng nguy hiểm bằng đường bộ
CAS	Dịch vụ trích dẫn hóa học (tổ chức duy trì danh mục đầy đủ nhất về các chất hóa học)
CLP	Quy định (EC) số 1272/2008 về phân loại, ghi nhãn và đóng gói các chất và hỗn hợp
CMR	Chất gây ung thư, đột biến hoặc độc tính sinh sản
DGR	Quy định hàng nguy hiểm (xem IATA/DGR)
DMEL	Mức ảnh hưởng tối thiểu suy ra
DNEL	Mức không gây ảnh hưởng suy ra
EH40/2005	Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp EH40/2005
EINECS	Danh mục châu Âu các chất hóa học thương mại hiện có
ELINCS	Danh mục châu Âu các chất hóa học đã được thông báo
EmS	Lịch trình ứng phó khẩn cấp
GHS	Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất do Liên Hợp Quốc phát triển
IATA	Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế
IATA/DGR	Quy định Hàng nguy hiểm (DGR) cho vận tải hàng không (IATA)
ICAO	Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế
IMDG	Bộ luật Hàng nguy hiểm Hàng hải Quốc tế
MARPOL	Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm từ tàu (viết tắt của “Marine Pollutant”)
NLP	Polyme không còn được xem là polyme (“No-Longer Polymer”)

Trang 8

PBT	Bền vững, tích lũy sinh học và độc hại
PNEC	Nồng độ dự đoán không gây ảnh hưởng
REACH	Đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế hóa chất
RID	Quy định quốc tế về vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường sắt
STEL	Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn
TWA	Giá trị trung bình theo thời gian
VOC	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi
vPvB	Rất bền vững và rất tích lũy sinh học
WEL	Giới hạn phơi nhiễm tại nơi làm việc

17. TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin trong Bảng Dữ liệu An toàn Hóa chất (MSDS) này phù hợp với hiểu biết tốt nhất của chúng tôi tại thời điểm sửa đổi. Thông tin này nhằm cung cấp các chỉ dẫn về việc xử lý, sử dụng, gia công, vận chuyển và thải bỏ sản phẩm được nêu trong SDS một cách an toàn. Các thông tin này không áp dụng cho các sản phẩm khác. Trong trường hợp sản phẩm nêu trong SDS này được pha trộn với vật liệu khác, hoặc được gia công/chế biến, các thông tin trong SDS này, trừ khi có quy định khác, sẽ không được chuyển giao để áp dụng cho vật liệu mới được tạo ra theo cách đó.